

Số: 9440/QĐ-VP

Tây Ninh, ngày 18 tháng 12 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai giảm dự toán ngân sách năm 2020  
của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân  
và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh**

Căn cứ Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020-Đợt 1 (Nguồn ngân sách trung ương);

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 03/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc dự toán giao bổ sung cho các đơn vị cấp tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2020 của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản trị Tài vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai giảm số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh số tiền là: **54.499.913 đồng** (Năm mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm mười ba đồng). (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ, Trưởng các phòng, ban, Trung tâm thuộc Văn phòng và Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN Tỉnh (p/h);
- LĐVP, QTTV;
- Các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu VT.

(Công khai du toán)

10

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Đoàn Minh Long**



Đơn vị: VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH  
Chương: 405

## DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 3440/QĐ-VP ngày 18/12/2020 của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	- 54.499.913
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	





Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
11	Chi Chương trình mục tiêu	-54.499.913
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	-54.499.913
	Dự án Chương trình 135: Dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.	-54.499.913

